

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 10 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Q – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 128/2023/TLST - HNGĐ ngày 14/7/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Thôn MĐ, xã TL, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Thôn Bái Ân 1, xã ĐT, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa. Chị Q có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Tống Văn A, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn MĐ, xã TL, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Anh A có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2023, bản tự khai, tại phiên họp và hòa giải và trong quá trình giải Quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Q trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Tống Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/01/2015. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp, cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến chửi bới xúc phạm nhau, anh A đánh đập chị nhiều lần, đã được hai bên gia đình khuyên giải, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ tháng 6 năm 2023 vợ chồng đã ly thân chị Q về xã ĐT, huyện YD ở; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q đề nghị được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tổng Thành Khang, sinh ngày 02/4/2016; Ly hôn chị Q yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2023, tại phiên họp và phiên hòa giải trong quá trình giải Quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Tổng Văn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Tổng Văn A và chị Trần Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện YD, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/01/2015. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên quá trình chung sống không tránh khỏi những va chạm, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất, vợ chồng có thể cải thiện được, chưa đến mức phải ly hôn; Xét thấy tình cảm vợ đang còn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tổng Thành Khang, sinh ngày 02/4/2016; Nếu ly hôn anh A yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A.

Về tài sản: Anh A không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải Quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo Q định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các Q định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Trần Thị Q và anh Tổng Văn A, về giao nuôi con: Giao anh A nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của anh A về việc chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo Q định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Anh Tổng Văn A là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm Qền giải Quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo Q định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Q và anh Tổng Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có việc xô xát nhỏ, chưa đến mức nghiêm trọng hay xử lý hành chính, hiện tại hai bên không ở cùng nhau đã lâu, mặc dù anh A mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, Tòa án đã mở 03 lần hòa giải để cho hai bên gặp gỡ thương lượng, tại phiên tòa anh A đã nói ra nhiều mong muốn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị Q vẫn một mực xin ly hôn; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Q được ly hôn anh A là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Q và anh A khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Tổng Thành Khang, sinh ngày 02/4/2016; Chị Q xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Tổng Thành Khang, sinh ngày 02/4/2016 có ghi họ tên bố là anh Tổng Văn A, họ tên mẹ là chị Trần Thị Q, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Tổng Thành Khang sinh ngày 02/4/2016 là con chung của chị Q và anh A.

Xét việc giao nuôi con: Cả chị Q và anh A đều mong muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung, xét thấy nguyện vọng của hai bên là chính đáng; Hiện tại hai bên đều có công việc ổn định như nhau, về phần thu nhập theo anh A mức lương hàng tháng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), chị Q thu nhập trung bình hàng tháng là hơn 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); Kham khảo nguyện vọng của cháu Khang trong suốt quá trình giải Quyết vụ án và tại phiên tòa mong muốn ở với anh A và thực tế lâu nay cháu Khang đang ở với anh A, Tại phiên tòa chị Q xuất trình 02 bản ảnh trong đó có hình ảnh cháu A bị thương tích, cả anh A và chị Q và cháu Khang đều thừa nhận là do cháu Khang bị ngã; Đối với bản ảnh phần bầm tím ở vai chị Q cho rằng bị anh A đánh nhưng anh A không thừa nhận.

Xét thấy để thuận tiện cho việc chăm sóc và ổn định tâm sinh lý, sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ nên giao cháu Khang cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Q định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Q định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, Quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án Quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào Quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh A về việc không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A.

[4]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Tổng Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung là Tổng Thành Khang, sinh ngày 02/4/2016 cho anh Tổng Văn A trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của anh A về việc chị Trần Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A.

Người không trực tiếp nuôi con có Quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2022/0000574 ngày 14/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, chị Q đã nộp đủ án phí.

4. Về Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Q, anh A có Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo Q định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thoả thuận thi hành án, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Nguyễn Xuân Thu

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt

